

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**
Bản án số: 02 /2019/DS-PT
Ngày: 25 - 02 - 2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương và ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy, kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp đòi lại tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXPT-DS ngày 02/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Huyền Tr, sinh 1994; Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản uỷ quyền ngày 26/3/2018, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xử vắng mặt.

3. *Đồng bị đơn:* Anh Nguyễn Anh S, sinh năm 1971 và chị Trần Thị Kim O, sinh năm: 1976; Địa chỉ: đường F, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, anh S, chị O vắng mặt tại phiên tòa.

4. *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2018, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2015 anh S và chị O xây dựng nhà ở có đến mua vật liệu thiết bị gia dụng tại cửa hàng kinh doanh của chị Th, anh S chị O đã thanh toán được một phần còn nợ lại 24.000.000đ. Ngày 15/02/2015 chị O đã viết giấy xác nhận số nợ trên và thoả thuận mỗi tháng trả cho chị Th 3.000.000đ. Theo thoả thuận số tiền trên, anh S, chị O phải trả tính từ tháng 3/2015 đến tháng 11/2015 thì mới trả hết. Tuy nhiên, sau khi thoả thuận chị O không chịu trả nợ mà cứ hẹn lần này đến lần khác. Vì vậy, yêu cầu anh S và chị O phải trả cho chị Th số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng, nợ lãi 24.000.000 đồng x 0,75% x 44 tháng (tháng 3/2015 đến 07/11/2018) = 7.920.000 đồng, cộng gốc và lãi 31.920.000đ.

* Ý kiến của bị đơn chị O trình bày tại bản tự khai: Trước đây chị O làm nhà có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng chị Th còn nợ 24.000.000đ, lý do chưa trả được hiện nay chị đang điều trị bệnh ung thư tại bệnh viện, hơn nữa khi mua vật liệu làm nhà chị Th đồng ý cho chị O nợ. Nay chị Th yêu cầu trả số tiền gốc là 24.000.000đ chị O đồng ý trả sau tháng 10/2018 trả mỗi tháng 1.500.000đ, còn tiền lãi chị O không đồng ý trả vì khi làm nhà chị Th đồng ý cho nợ mà không tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành triệu tập anh S nhưng anh S không có mặt nên không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; 430, Điều 433, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th.

Buộc anh Nguyễn Anh S và chị Trần Thị Kim O phải trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền gốc và lãi là 31.920.000 đồng (Ba mươi một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn). Trong đó, nợ gốc 24.000.000 đồng, nợ lãi 7.920.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Xử buộc anh Nguyễn Anh S và chị Trần Thị Kim O phải chịu 1.596.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Th 762.000 đồng số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000347 ngày 26/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới. Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố kháng nghị phần tính tiền lãi.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới về phần lãi suất là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa một phần án sơ thẩm về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, người đại diện nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt; phía bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ (theo lời trình bày ngày 13/02/2019 của chị Nguyễn Thị Cẩm Nhung, sinh năm 1999 là con gái của anh S và chị O thì gia đình đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án về việc triệu tập bố mẹ đến phiên tòa, gia đình có điện thoại báo cho bố mẹ về nhưng do điều kiện làm ăn xa nên bố mẹ không về được).

Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự "người không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị và những người tham gia tố tụng khác đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án". Với quy định trên tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, phía bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại bản án sơ thẩm xác định bị đơn anh Trần Văn S sinh năm 1970 và chị Trần Thị O sinh năm 1976 là chưa chính xác nên Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm về việc sửa chữa tên của bị đơn thành: Nguyễn Anh S sinh năm 1971 và Trần Thị Kim O sinh năm 1976 là phù hợp với giấy chứng minh nhân dân của anh S, chị O và tài liệu thu thập dữ liệu dân cư do Công an phường B, thành phố Đồng Hới quản lý

[2] Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc 24.000.000 đồng của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

Tại thời điểm vợ chồng chị O, anh S làm nhà, vợ chồng chị O có đến mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của chị Th. Hai bên đã thoả thuận việc mua bán bằng miệng đồng thời chị Th cho chị O mua nợ và trả dần. Sau đó vợ chồng chị O đã lấy hàng và đã trả cho chị Th một số tiền, còn lại 24.000.000 đồng chưa trả, chị O viết giấy nợ vào ngày 15/02/2015 và thoả thuận trả cho chị Th mỗi tháng 3.000.000 đồng, với thoả thuận như vậy thì chị O bắt đầu trả nợ từ tháng 3/2015 đến tháng 11/2015 mới hết nợ. Tuy nhiên, chị O không thực hiện việc trả nợ nên chị Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị O trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án chị O đã thừa nhận còn nợ chị Th với số tiền 24.000.000 đồng, còn anh S không có mặt nên không có ý kiến. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy

định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết sự kiện, tài liệu văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Việc Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới căn cứ các Điều 430, Điều 433, 440 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của chị Th buộc anh S, chị O phải trả số tiền gốc 24.000.000 đồng cho chị Th là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tiền lãi: Phía chị Th yêu cầu anh S và chị O phải trả cho chị Th số tiền lãi là $24.000.000đ \times 0,75\% \times 44$ tháng (tháng 3/2015 đến 07/11/2018) = 7.920.000 đồng. Mặc dù chị O không thừa nhận mà cho rằng khi mua vật liệu chị Th không nói đến phải trả lãi nên chị không đồng ý trả khoản lãi này. Nhưng căn cứ vào giấy nợ ngày 15/02/2015 xác nhận chị O còn nợ 24.000.000 đồng, cứ một tháng chị O phải trả 3.000.000đ cho chị Th nhưng chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cấp sơ thẩm buộc chị O và anh S phải trả lãi cho chị Th theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ. Tuy nhiên việc áp dụng thời gian để tính lãi của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp, mà phải căn cứ vào từng thời điểm trả nợ theo cam kết của chị O (bị đơn), cụ thể chị O cam kết kể từ tháng 3/2015 trở đi mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, nhưng đến hết tháng 3/2015 bị đơn chưa trả được nên thời điểm bắt đầu tính lãi là từ tháng 4/2015 và lũy kế cho đến tháng 11/2015, như vậy số tiền lãi bị đơn phải trả trong thời gian cam kết trả nợ là: tháng 4/2015: $3.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 22.500$ đồng; tháng 5/2015: $6.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 45.000$ đồng; tháng 6/2015: $9.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 67.500$ đồng; tháng 7/2015: $12.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 90.000$ đồng; tháng 8/2015: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 112.500$ đồng; tháng 9/2015: $18.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 135.000$ đồng; tháng 10/2015: $21.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 157.500$ đồng; tháng 11/2015: $24.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 180.000$ đồng và từ tháng 12/2015 đến ngày xét xử phúc thẩm là 35 tháng 7 ngày $\times 0,75\% \times 24.000.000 \text{ đồng} = 6.342.000$ đồng. Với cách tính lãi suất như trên, Hội đồng xét xử thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Như vậy tổng cộng vợ chồng chị O và anh S phải trả nợ cho chị Th với tổng tiền gốc và lãi là 31.152.000 đồng, trong đó nợ gốc 24.000.000 đồng, nợ lãi 7.152.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn anh Nguyễn Anh S và chị Trần Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước với số tiền $31.152.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.557.600$ đồng; nguyên đơn chị Th không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 433, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới về phần tiền lãi, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 07 - 11 - 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th:

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Anh S và chị Trần Thị Kim O phải trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền gốc và tiền lãi là 31.152.000 đồng (Ba mươi một triệu, một trăm năm mươi hai ngàn đồng chẵn). Trong đó, nợ gốc 24.000.000 đồng, nợ lãi 7.152.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Anh Nguyễn Anh S và chị Trần Thị Kim O phải chịu 1.557.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

- Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Th 762.000 đồng số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000347 ngày 26/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Niêm yết tại phòng B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn